



**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày.....tháng.....năm 20.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG  
VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 23

SY  
K  
V  
SY  
M

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ lên 107.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon  
Vốn điều lệ: 107.000.000.000 đồng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Lộc	Ủy viên
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Thế Phương	Ủy viên
	Ông Nguyễn Chí Công	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Chí Công	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 31/12/2010)
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 15/7/2010)
	Bà Nguyễn Thị Nghiên	Giám đốc tài chính

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Phạm Việt Khoa  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Số: 212/2011/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010  
của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

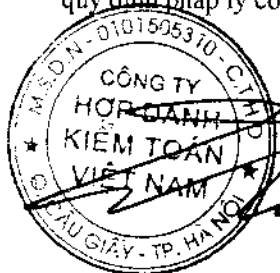
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.  
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

**Đinh Văn Thắng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>220.549.869.283</b>	<b>145.315.064.654</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>27.510.339.409</b>	<b>31.070.840.145</b>
1. Tiền	111		27.510.339.409	31.070.840.145
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>122.333.336.785</b>	<b>46.072.771.515</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	110.133.775.935	43.787.704.778
2. Trả trước cho người bán	132	5.2	12.196.655.854	2.284.368.907
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	2.904.996	697.830
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>57.864.063.132</b>	<b>64.046.563.547</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	57.864.063.132	64.046.563.547
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.842.129.957</b>	<b>4.124.889.447</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		400.564.696	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.4	11.122.770.953	3.097.053.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	36.259.344	25.769.728
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	1.282.534.964	1.002.066.667
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>289.884.091.938</b>	<b>130.945.350.298</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>270.276.550.336</b>	<b>127.658.384.486</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	140.168.669.118	107.972.575.764
- Nguyên giá	222		198.239.611.335	143.304.049.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.070.942.217)	(35.331.473.563)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	36.680.185.539	19.653.188.972
- Nguyên giá	228		37.817.115.061	20.485.448.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.136.929.522)	(832.259.427)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	93.427.695.679	32.619.750
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	7.000.000.000	-
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.607.541.602</b>	<b>3.286.965.812</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	12.588.907.589	3.286.965.812
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		18.634.013	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>510.433.961.221</b>	<b>276.260.414.952</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>231.788.493.934</b>	<b>163.059.034.882</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>137.454.096.091</b>	<b>111.223.798.128</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	27.270.190.215	38.374.795.755
2. Phải trả người bán	312		78.065.858.564	43.381.864.112
3. Người mua trả tiền trước	313		10.374.824.350	18.260.768.814
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	17.020.689.569	7.160.106.710
5. Phải trả người lao động	315		1.494.585.210	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	25.747.337	25.965.365
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.202.200.846	4.020.297.372
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>94.334.397.843</b>	<b>51.835.236.754</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	94.334.397.843	51.835.236.754
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>206.792.109.155</b>	<b>113.201.380.070</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>206.792.109.155</b>	<b>113.201.380.070</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.000.000.000	87.997.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.002.820.000	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.161.596.518)	(1.079.287.988)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.835.946.064	4.020.297.374
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.917.973.032	2.010.148.686
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		70.196.966.577	20.253.041.998
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>71.853.358.132</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+433)</b>	<b>440</b>		<b>510.433.961.221</b>	<b>276.260.414.952</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.485,09	1.102,57

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Việt Khoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	358.768.824.677	245.307.648.563
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	18.260.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	358.750.564.677	245.307.648.563
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	259.725.705.236	181.193.561.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		99.024.859.441	64.114.087.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	678.716.768	898.370.054
7. Chi phí tài chính	22	5.19	13.552.106.024	9.270.325.936
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.598.425.377	5.615.316.727
8. Chi phí bán hàng	24		4.099.944.540	58.505.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.639.578.886	13.972.113.720
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		53.411.946.759	41.711.512.605
11. Thu nhập khác	31	5.20	19.359.124.389	23.000.004
12. Chi phí khác	32	5.20	5.615.625.695	1.023.348.445
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		13.743.498.694	(1.000.348.441)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		67.155.445.453	40.711.164.164
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	15.538.610.323	7.033.272.777
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(18.634.013)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		51.635.469.143	33.677.891.387
18. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.542.228.532	-
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		50.093.240.611	33.677.891.387
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	5.081	4.996

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc



Phạm Việt Khoa



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
1	2	4	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.155.445.453	40.711.164.164
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.356.713.686	16.780.204.722
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(35.541.437)	1.424.115.854
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(108.125.545)	(898.370.054)
- Chi phí lãi vay	06	8.598.425.377	5.615.316.727
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	101.966.917.534	63.632.431.413
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(87.531.240.079)	(15.901.906.803)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.182.500.415	(16.432.472.477)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	33.740.176.053	16.258.261.638
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.702.506.473)	(1.900.801.171)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.487.344.186)	(5.615.316.727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.125.786.347)	(744.119.501)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.010.544.611	24.095.482
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.301.903.738)	(55.619.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.751.357.790	39.264.552.104
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(146.353.975.462)	(53.704.866.921)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	558.356.522	874.480.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(145.795.618.940)	(52.830.386.831)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	44.005.640.000	7.996.460.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	162.079.721.593	95.484.539.192
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(88.601.639.079)	(54.651.756.627)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.266.620.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	117.483.722.514	40.562.622.565
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.560.538.636)	26.996.787.838
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.070.840.145	4.311.369.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	37.900	(237.317.598)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.510.339.409	31.070.840.145

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Yến*

Nguyễn Thị Yến

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Thanh Vân*

Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Giám đốc



*Phạm Việt Khoa*

Phạm Việt Khoa

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09 - DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 9 năm 2009, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ lên 107.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Số TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Trọng Thắng	271.603	2.716.030.000	3%
2	Hà Thế Lộng	203.133	2.031.330.000	2%
3	Nguyễn Chí Công	201.308	2.013.080.000	2%
4	Hà Thế Phương	302.947	3.029.470.000	3%
5	Phùng Tiến Trung	65.468	654.680.000	1%
6	Hà Cửu Long	280.542	2.805.420.000	3%
7	Hà Thị Bích	164.507	1.645.070.000	2%
8	Bùi Thanh Tùng	74.869	748.690.000	1%
9	Phạm Quốc Hùng	189.786	1.897.860.000	2%
10	Hà Thị Bốn	78.085	780.850.000	1%
11	Nguyễn Quang Hải	98.938	989.380.000	1%
12	Hà Thị Chín	64.686	646.860.000	1%
13	Phạm Việt Khoa	1.000.834	10.008.340.000	9%
14	Các cổ đông khác	7.703.294	77.032.940.000	72%
<b>Tổng</b>		<b>10.700.000</b>	<b>107.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Các Công ty con là:

- Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0604.000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 5 năm 2010 với mã doanh nghiệp số 0700252549 về việc thay đổi tên Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tăng vốn điều lệ. Tiền thân từ Công ty TNHH Một thành viên chủ sở hữu Công ty mẹ, từ ngày 05/5/2010 Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon nắm giữ 51%.
- Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu Fecon - Shanghai Harbour hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000246 ngày 25 tháng 09 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon góp 2.550.000 USD (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ), chiếm 51% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, văn phòng; Công ty TNHH Công trình xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour góp 2.450.000 USD (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ), chiếm 49% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt và máy móc thiết bị.
- Công ty TNHH Đầu tư Fecon hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700.222.128 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2004, thay đổi lần thứ 1, thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 12 năm 2010 thay đổi về ngành nghề kinh doanh và đổi tên Công ty. Công ty mẹ nắm giữ 100%.

Địa chỉ đăng ký: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Thị công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi; Thị công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị; Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA); Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT); Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình; Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm; Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam; Buôn bán: vật tư, vật liệu, thiết bị, công nghệ thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp; Vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách; Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô; Thị công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận; Kinh doanh khách sạn, văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thị công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.